

Số: *39* /KH-UBND

Hưng Yên, ngày *04* tháng 3 năm 2022

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình số hóa Di sản văn hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa trên nền tảng công nghệ số thống nhất, phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững; bảo đảm tích hợp được vào khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Khung kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hưng Yên và Hệ tri thức Việt số hóa.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, thực hiện liên thông dữ liệu số quốc gia về di sản văn hóa, bảo đảm đáp ứng hiệu quả dịch vụ cho xã hội, cộng đồng ở mọi lúc, mọi nơi.

2. Yêu cầu

Lựa chọn các loại hình di sản văn hóa tiêu biểu, đặc sắc trên địa bàn tỉnh để ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại; xây dựng cơ sở dữ liệu về Di sản văn hóa đáp ứng được nhu cầu quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, phát huy, quảng bá Di sản văn hóa và có khả năng liên thông dữ liệu quốc gia về Di sản văn hóa, đảm bảo đáp ứng hiệu quả dịch vụ cho xã hội, cộng đồng.

Triển khai Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, thiết thực và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng trong hoạt động quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, phát huy, quảng bá Di

sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; thu hút sự quan tâm của đông đảo người dân, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu,... của cộng đồng, từ đó nâng cao ý thức bảo tồn di sản văn hóa của toàn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hằng năm 100% tài liệu, hiện vật được quản lý trên phần mềm quản lý hiện vật; 100% tài liệu, hiện vật được kiểm kê khoa học; 20% hiện vật, các nhóm hiện vật được bảo quản phòng ngừa; 10% các hiện vật, nhóm hiện vật có nguy cơ hư hỏng được bảo quản trị liệu.

b) 100% tài liệu, hiện vật có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ được số hóa và ứng dụng trên nền tảng số; 100% trưng bày chuyên đề, không gian trưng bày ngoài trời tại bảo tàng được số hóa 3D.

c) Phần đầu 100% các nhà tưởng niệm, lưu niệm danh nhân đã xếp hạng di tích cấp Quốc gia được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số; 100% được cập nhật trên phần mềm quản lý hiện vật, có trang thông tin điện tử; 10% tài liệu, hiện vật tiêu biểu được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số.

d) 100% di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số; phần đầu 50% số di sản văn hóa phi vật thể có giá trị tiêu biểu nhưng chưa được ghi danh vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia được số hóa và ứng dụng trên nền tảng số.

đ) Phần đầu 100% các di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, 50% di tích xếp hạng cấp quốc gia được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng công nghệ số.

e) 100% bảo vật quốc gia được số hóa và ứng dụng công nghệ 3D vào lưu giữ, bảo quản và phát huy giá trị.

f) 80% (đến năm 2025) và 100% (đến năm 2030) người làm công tác chuyên môn trong ngành di sản văn hóa được đào tạo, đào tạo lại cập nhật các kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật

a) Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản chuyên ngành di sản văn hóa đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số ngành di sản; đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật, quy định pháp luật có liên quan nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa.

b) Xây dựng, hoàn thiện và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về di sản văn hóa số và ứng dụng công nghệ trong việc số hóa thông tin, chuẩn hóa hệ dữ liệu di sản văn hóa trong kho dữ liệu số quốc gia; kết nối, liên thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các lĩnh vực bảo tàng, thư viện; xác lập quyền truy cập, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân phục vụ phát triển du lịch và các nhu cầu khác ở trong nước và quốc tế.

c) Xây dựng danh sách ưu tiên các di sản cần số hóa; cập nhật thường xuyên danh sách này để bảo đảm hiệu quả về đầu tư và đáp ứng nhu cầu sử dụng của xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số.

d) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển và cùng khai thác hệ sinh thái số về di sản văn hóa; khuyến khích việc tài trợ và đóng góp, ủng hộ vật chất cũng như các điều kiện khác thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa.

đ) Lồng ghép triển khai các chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nội dung liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số về lĩnh vực di sản văn hóa: Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hệ tri thức Việt số hóa; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh: Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 23/11/2021 về thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Xây dựng nền tảng kỹ thuật số và các bộ tiêu chuẩn chung về lưu trữ

a) Trang bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu nhằm bảo đảm sự tương đồng về hạ tầng kỹ thuật trong toàn hệ thống.

b) Xây dựng hệ thống tiêu chí chuyển đổi số cho các thông tin dữ liệu ứng dụng trên phần mềm lưu trữ, bản đồ số và liên kết, khai thác dữ liệu đa chiều về di sản văn hóa thống nhất trong toàn tỉnh và trên toàn quốc. bao gồm:

- Bộ tiêu chí chung (mã quốc gia, tỉnh/thành phố, đơn vị/tổ chức, cá nhân, danh mục,...);

- Bộ tiêu chí về di tích lịch sử - văn hóa (mã danh mục, di tích, loại hình, thời kỳ/niên đại, chất liệu,...);

- Bộ tiêu chí về di sản văn hóa phi vật thể (mã danh mục di sản, loại hình, nghệ nhân,...);

- Bộ tiêu chí về hiện vật, di vật, bảo vật quốc gia (mã danh mục di vật, loại hình hiện vật, thời kỳ/niên đại, chất liệu,...)

- Bộ tiêu chí về bản đồ số (thông tin về khoanh vùng bảo vệ, hiện trạng lưu giữ, cảnh quan, môi trường, hạ tầng, hệ thống trưng bày, quản lý, tài sản, thiết bị,...);

- Bộ tiêu chí về độ ưu tiên số hóa cho các di sản, hiện vật, di vật theo nhu cầu của quản lý nhà nước và nhu cầu sử dụng của xã hội.

c) Xây dựng thống nhất nền tảng kỹ thuật số chung về quản lý, bảo tồn các dữ liệu trong lĩnh vực di sản văn hóa; mở rộng để các địa phương, tổ chức kết nối và tích hợp với các hệ thống thông tin khác của Chính phủ, địa phương và các tổ chức liên quan.

d) Xây dựng phần mềm, ứng dụng quản lý cơ sở dữ liệu các di sản văn hóa trên nền tảng bản đồ số thống nhất VMAP của Đề án Hệ Tri thức Việt số hóa, cho phép lưu trữ, quản lý, khai thác và lập báo cáo từ các nguồn dữ liệu số hóa; bảo đảm việc tra cứu thuận tiện đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước, khả năng tích hợp, chia sẻ, kết nối và trực quan trong quá trình quản lý, khai thác.

3. Xây dựng, tạo lập dữ liệu số về di sản văn hoá

a) Rà soát, thu thập, bổ sung để hoàn thiện hồ sơ tư liệu về các di tích đã được xếp hạng (cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh), bảo vật quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi danh và công nhận theo quy định của quốc gia để xây dựng danh sách ưu tiên các hạng mục cần số hóa.

b) Xây dựng, tích hợp, kết nối, liên thông, chia sẻ cơ sở dữ liệu, trao đổi nguồn tài nguyên thông tin di sản văn hóa số trong tỉnh, trong nước; tăng cường hợp tác trong việc bổ sung, chia sẻ, dùng chung cơ sở dữ liệu hoặc quyền truy cập tài nguyên thông tin số về di sản văn hóa. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc số hóa di sản văn hóa.

c) Thúc đẩy các dự án số hóa di sản văn hóa trên cơ sở xây dựng mới và tích hợp cơ sở dữ liệu số có sẵn theo hướng mở với sự tham gia của doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức, cộng đồng, trong đó:

- Bảo tàng, Ban quản lý di tích tỉnh: ưu tiên số hóa và ứng dụng trên nền tảng số các hồ sơ tư liệu về di sản văn hóa đã được xếp hạng hoặc đưa vào danh mục kiểm kê di sản cấp quốc gia và cấp tỉnh;

- Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố và các ban quản lý di tích cơ sở ưu tiên số hóa các hồ sơ tư liệu về di sản đã được xếp hạng hoặc đưa vào danh mục kiểm kê di sản cấp quốc gia và cấp tỉnh thuộc địa phương mình quản lý;

- Các đơn vị tổ chức các dự án hợp tác công - tư để các doanh nghiệp, cộng đồng tham gia số hóa các di sản văn hóa;

- Đánh giá và tích hợp các hạng mục đã được cộng đồng số hóa, tạo cơ chế liên tục tích hợp các sản phẩm số hóa theo hướng mở và có sự tham gia tích cực của cộng đồng.

d) Hình thành và công khai cơ sở dữ liệu hệ thống định danh di sản văn hóa tỉnh Hưng Yên trên không gian mạng. Chuyển đổi các dữ liệu về di sản văn hóa sang dạng số, sử dụng công nghệ nhận dạng, quét 3 chiều, cập nhật thường xuyên lên hệ thống kho dữ liệu di sản văn hóa tập trung.

đ) Hoàn thành việc thống kê, số hóa, xây dựng mục lục và xuất bản Danh mục Di sản văn hóa tỉnh Hưng Yên công khai trên mạng Internet. Tăng cường

dịch vụ tham quan thực tế ảo, đổi mới các chuyên đề trưng bày trải nghiệm theo hướng trực tiếp và trực tuyến, panorama 360⁰.

e) Đa dạng hóa các dịch vụ bảo tàng sử dụng tài nguyên số, sản phẩm thông tin số trên nền tảng ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Khuyến khích các bảo tàng ngoài công lập có phục vụ cộng đồng, các tổ chức, cá nhân cùng tham gia số hóa di sản văn hóa mà họ đang quản lý, nắm giữ tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu chung quốc gia về di sản văn hóa.

4. Quản lý, vận hành và khai thác kho cơ sở dữ liệu số quốc gia về di sản văn hoá

a) Tích hợp cơ sở dữ liệu về di sản văn hóa theo tiêu chuẩn tuân thủ khung kiến trúc Chính phủ điện tử do cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông ban hành, nhằm mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở, phục vụ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân khai thác, tham gia phát triển, sáng tạo các dịch vụ mới.

b) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

c) Phát triển các ứng dụng trên thiết bị điện thoại thông minh (điện thoại di động, máy tính bảng,...) để cung cấp dịch vụ và khả năng truy cập vào các nguồn tài nguyên di sản văn hóa mọi lúc, mọi nơi.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

a) Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng; quản lý và giám sát an toàn thông tin; bảo mật dữ liệu, bảo đảm cơ chế sao lưu, phục hồi máy chủ, máy trạm, các thiết bị đầu cuối liên quan.

b) Xây dựng hạ tầng, nền tảng số, dữ liệu số bảo đảm thông tin tin cậy, an toàn, lành mạnh; phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện mã độc tấn công, bảo vệ ở mức căn bản.

c) Xây dựng tiêu chí cho bộ công cụ giám sát, kiểm tra cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và hệ thống cơ sở dữ liệu số hóa Di sản văn hóa tỉnh Hưng Yên; xây dựng hệ thống báo cáo đánh giá và công khai minh bạch trên mạng Internet.

d) Tổ chức lực lượng ứng cứu sự cố an toàn, an ninh mạng.

6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Đổi mới chương trình, hình thức và đẩy mạnh bồi dưỡng, đào tạo lại; tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức, trình độ, kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý và người làm công tác di sản văn hóa.

b) Biên soạn sách, tài liệu hướng dẫn nội dung Chương trình số hóa di sản văn hóa, bồi dưỡng với nội dung, hình thức phong phú, dễ nắm bắt, cập nhật và công khai trên mạng Internet để cộng đồng sử dụng.

c) Huy động sự tham gia về nhân lực của các doanh nghiệp, tổ chức vào tiến trình chuyển đổi số ngành di sản văn hóa.

7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế

a) Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức, doanh nghiệp vào việc phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, chuyển giao khoa học và công nghệ, nguồn lực thông tin cũng như đào tạo, bồi dưỡng nhân lực, nghiên cứu khoa học trong ngành di sản văn hóa.

b) Tiếp thu, học tập kinh nghiệm của các địa phương, đơn vị và tỉnh ngoài đã tiến hành số hóa di sản phát triển mạnh để triển khai số hóa cập nhật trên nền tảng bản đồ số di sản văn hóa và việc xây dựng, liên kết, tích hợp cơ sở dữ liệu của tỉnh vào mạng lưới hệ thống bản đồ số về di sản văn hóa áp dụng vào tổ chức, quản lý, liên kết mạng dữ liệu di sản văn hóa trên toàn quốc.

c) Tích hợp, kết nối các sản phẩm văn hóa của tỉnh Hưng Yên đã được các tổ chức số hóa.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Từ năm 2022 đến năm 2030.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình gồm từ nguồn ngân sách Nhà nước các cấp, huy động xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác; trong đó một phần từ ngân sách Nhà nước dành thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao lập dự toán ngân sách hằng năm lồng ghép với thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn, quản lý và tổ chức thực hiện các mục tiêu, giải pháp đảm bảo thực hiện hiệu quả nội dung Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế chính sách và các quy định cụ thể cần thiết liên quan đến việc chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa. Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan lập kế hoạch đề xuất các nội dung để thực hiện Chương trình và nhu cầu kinh phí, gửi Sở Tài chính thẩm định.

c) Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan triển khai tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu số hóa di sản văn hóa, chú trọng đào tạo cán bộ trẻ có trình độ về tin học, ngoại ngữ nhằm làm chủ phương tiện, thiết bị công nghệ mới, hiện đại.

d) Số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số hồ sơ khoa học, tư liệu các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh; các di tích quốc gia đặc biệt; các di tích quốc gia; các bảo vật quốc gia; danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; danh mục di sản tư liệu quốc gia; các hiện vật, nhóm hiện vật, cổ vật quý hiếm, có giá trị tiêu biểu tại các Bảo tàng, Ban quản lý di tích.

đ) Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá, tổng hợp hằng năm, báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết vào năm 2025, tổng kết vào năm 2030; đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.

b) Hướng dẫn việc quản lý tài chính, sử dụng nguồn kinh phí tài chính thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành liên quan bố trí nguồn vốn đầu tư theo từng thời kỳ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch.

b) Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hoá.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn và kiểm tra việc tích hợp nền tảng cơ sở dữ liệu số quốc gia về di sản văn hóa vào Hệ tri thức Việt số hóa.

b) Phát triển nguồn nhân lực thông tin khoa học công nghệ, hỗ trợ các công nghệ mới trong việc ban hành và bảo vệ bản quyền của bản số hóa các di sản và cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp thực hiện tích hợp, kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu, trao đổi tài nguyên thông tin số giữa các ban ngành, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng và phát triển công nghệ số, các mối liên hệ mới trong quá trình chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa nói riêng trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn chính sách quản trị dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và công tác an toàn, an ninh mạng để đảm bảo hệ thống thông tin, an toàn thông tin trong lĩnh vực quản lý di sản văn hóa.

d) Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về chuyển đổi số hóa di sản văn hóa.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban ngành có liên quan đổi mới chương trình đào tạo ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển đổi số lĩnh vực di sản văn hóa.

b) Lên kế hoạch tích hợp các nội dung được số hóa vào chương trình giáo dục để phát huy giá trị của di sản.

7. Đài Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên, Báo Hưng Yên: Tuyên truyền việc số hóa di sản văn hóa trên các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục truyền thanh, truyền hình; tôn vinh các gương điển hình trong triển khai, thực hiện số hóa di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh.

8. Các Sở, ngành liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện thống nhất và lồng ghép các nội dung hoạt động của Chương trình với các dự án, đề án liên quan.

9. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo các phòng, ban đơn vị tại địa phương có chức năng quản lý về di sản văn hóa xây dựng, triển khai kế hoạch số hóa, cập nhật dữ liệu và báo cáo định kỳ về các hoạt động liên quan đến Chương trình thuộc địa phương quản lý; bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Chương trình được giao.

b) Hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị liên quan lập kế hoạch số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa của địa phương hàng năm theo kế hoạch, tiêu chuẩn kỹ thuật chung do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, hướng dẫn.

c) Số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số hồ sơ khoa học, tư liệu các di tích cấp tỉnh; các di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục kiểm kê, có giá trị đặc sắc hoặc có nguy cơ bị mai một; các di sản tư liệu; các hiện vật, nhóm hiện vật, cổ vật quý hiếm, có giá trị tiêu biểu.

d) Bố trí ngân sách, huy động nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; lồng ghép việc thực hiện kế hoạch với quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án của địa phương. Quan tâm phát triển, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực cho lĩnh vực di sản văn hóa phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

đ) Chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo địa phương có chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về công tác kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa của địa phương.

e) Vận động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tích cực tham gia xã hội hóa các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa.

g) Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hằng năm tại địa phương, gửi báo cáo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp.

10. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

a) Các tổ chức có liên quan trong lĩnh vực di sản văn hóa đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên tham gia đóng góp vào công tác số hóa di sản văn hóa; tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình ở địa phương, đơn vị.

b) Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực di sản và lĩnh vực liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở và địa phương liên quan chủ động tham gia đóng góp nguồn lực, hỗ trợ các điều kiện cơ sở vật chất phù hợp khác để triển khai số hóa di sản văn hóa.

11. Công tác báo cáo

- Báo cáo hằng năm trước ngày 30/11.
- Báo cáo Sơ kết 5 năm trước ngày 20/11/2025.
- Báo cáo Tổng kết trước ngày 15/11/2030.

Căn cứ nội dung của Kế hoạch, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra; báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./. 

Nơi nhận:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Hưng Yên, Đài PT-TH Hưng Yên;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^{Ph}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Duy Hưng

